

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 22-5-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thor

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Khon

Ông Phạm Văn Hăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 22 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp dân sự hợp đồng nợ hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1961

Nơi cư trú: Ấp T, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị Bé H, sinh năm: 1960 (có mặt);

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1961 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp.

Nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn bà Bé H có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2018, bản khai bà L ngày 05/02/2018, biên bản lấy lời khai bà Bé H ngày 26/3/2018, biên bản hòa giải ngày 26/3/2018 và ngày 10/4/2018 và trong quá trình xét xử:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:** Bà Nguyễn Thị Kim L có tham gia chơi hui do bà Đỗ Thị Bé H làm chủ hui, bà Bé Hai có giao danh sách hui ghi tên người tham gia là tên L, gồm các dây hui như sau: Hui ngày 15/6/2016(AL), hui

3.000.000đ/tháng, có 30 người tham gia, bà L tham gia 2 phần, đóng được 19 lần x 3.000.000đ x 2 phần = 114.000.000đ; Hội ngày 09/02/2016(AL), hội 2.000.000đ/tháng, có 26 người tham gia, bà L tham gia 2 phần, đóng được 23 lần x 2.000.000đ x 02 phần = 92.000.000đ; Hội ngày 02/5/2017(AL), hội 3.000.000đ/tháng, có 25 người tham gia, bà L tham gia 2 phần, đóng được 08 lần x 3.000.000đ x 02 phần = 48.000.000đ; Hội ngày 07/9/2017(AL), hội 2.000.000đ/tháng, có 25 người tham gia, bà L tham gia 2 phần, đóng được 03 lần x 2.000.000đ x 02 phần = 12.000.000đ. Tổng cộng số tiền bà đã đóng hội cho bà Bé H là: 266.000.000đ (*Hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

Ngày 24/11/2017(AL) thì bà Bé H thông báo vỡ hội, không có khả năng trả lại số tiền hội bà đã đóng và bà Bé H có hứa trả dần nhưng đến nay vẫn không trả lại số tiền hội mà bà đã đóng cho bà Bé H. Vào ngày 21/01/2018 thì ông Nguyễn Văn B (chồng bà Bé H) có viết tờ giấy xác nhận có nợ bà L số tiền hội là 196.000.000đ, cam kết sau khi thu hoạch lúa đông xuân sẽ bán đất trả cho bà số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại mỗi năm trả 20.000.000đ, có sự chứng kiến của ông Phạm Siêu Nh và ông Trương Thanh L nhưng bà không đồng ý và ông B, bà Bé H cũng không trả cho bà được số tiền nào.

Nay bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H cùng liên đới trả lại số tiền hội đã đóng là 196.000.000đ (*Một trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Lý do yêu cầu ông Nguyễn Văn B liên đới cùng có trách nhiệm trả lại tiền nợ hội là do khi bà Bé H khai hội tại nhà của ông B và có mặt ông B ở nhà chứng kiến và ông B có viết cam kết thừa nhận nợ tiền hội với bà.

*** Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H trình bày:** Bà có làm chủ hội các dây hội bà L trình bày như sau: Hội ngày 15/6/2016 thì bà L đóng được 19 lần x 2 phần x 2.100.000đ = 79.800.000đ; Hội ngày 09/02/2016 thì bà L đóng được 23 lần x 2 phần x 1.400.000đ = 64.400.000đ; Hội ngày 02/5/2017 thì bà L đóng được 8 lần x 2 phần x 2.100.000đ = 33.600.000đ; Hội ngày 07/9/2017 thì bà L đóng được 03 lần x 2 phần x 1.400.000đ = 8.400.000đ, tổng cộng tiền hội còn nợ bà L là 196.000.000đ. Do các hội viên không đóng hội cho bà nên bà không có khả năng trả lại tiền hội cho bà L.

Nay bà Đỗ Thị Bé H thống nhất cá nhân trả lại số tiền hội còn nợ của bà L là 196.000.000đ (*Một trăm chín mươi sáu triệu đồng*), vì ông B không có liên quan đến việc nợ tiền hội này.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn B:** Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông B không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của bà L, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của ông B về yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim L: Trước đây bà có tham gia chơi hội do ông B làm chủ hội vào năm 2014, sau đó bà Bé H mới đứng ra làm chủ hội, do tham gia chơi hội nhiều năm nên tin tưởng và ông B cũng có cam kết sẽ thực hiện đúng việc giao tiền hội nếu sai sẽ bán đất trả tiền hội cho bà, nên bà mới tham gia 08 dây hội, mục đích của bà chơi hội là để xây nhà. Sau khi bà Bé H thông báo vỡ hội thì bà có đến nhà gặp ông B, bà Bé H thỏa thuận về việc trả lại tiền hội bà đã đóng, bà Bé H có ghi vào tờ giấy lịch số tiền hội bà đã đóng là 199.000.000đ, bà không đồng ý, bà yêu cầu ông B, bà Bé H phải viết giấy nợ hội và cam kết trả lại tiền hội cho bà nhưng đến nay vẫn không thực hiện.

Tại phiên tòa bà Đỗ Thị Bé H trình bày: Trước đây lâu quá không nhớ thời gian nào, ông B có đứng tên làm chủ hội, thời gian sau ông B không làm chủ hội nữa mà để lại cho bà làm chủ hội, việc khai hội tại nhà vợ chồng bà, ông B có biết việc khai hội, nhưng việc thu tiền hội, giao tiền hội thì ông B không biết nên ông B không có trách nhiệm cùng bà trả lại tiền hội cho các hội viên. Bà thống nhất chữ viết và chữ ký tên trong tờ cam kết trả nợ hội là của ông B, do ông B bị đe dọa bắt buộc viết. Bà làm chủ hội để lấy tiền hoa hồng sinh hoạt trong gia đình, như đi chợ mua cá, chi xài hàng ngày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định, riêng đối với ông B không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình, Điều 463, khoản 1 Điều 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 15, Điều 22 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L buộc bà Bé H, ông B có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền hội cho bà L là: 196.000.000đ (*Một trăm chín mươi sáu triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

- Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, ông B, bà Bé H hiện nay đang cư trú tại ấp N, xã A, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay ông B vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy ông B đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng ông B vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan hệ pháp luật: Bà Bé H thừa nhận có tổ chức khai hội cho các hội viên tham gia, bà Bé H làm chủ hội, hưởng hoa hồng, sau đó do các hội viên không góp tiền hội nên bà Bé H không khai hội nữa. Đây là giao dịch dân sự về nợ hội được pháp luật công nhận, do bà Bé H không trả lại tiền hội đã góp của bà L nên phát sinh tranh chấp nợ hội. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự về nợ hội xác lập vào năm 2016 (AL) đến năm 2017 phát sinh tranh chấp, nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị định 144 của chính phủ. Bởi vì thực tế bà L có tham gia chơi hụi do bà Bé H làm chủ hụi, tổng số tiền bà L đã đóng hụi cho bà Bé H là 196.000.000đ, bà Bé H cũng thừa nhận hiện nay còn nợ bà L số tiền 196.000.000đ, do các hụi viên đã hốt hụi, không giao tiền hụi, nên bà Bé H lấy tiền của các hụi viên khác đóng vào dẫn đến vỡ hụi.

Đối với yêu cầu của bà L buộc ông Nguyễn Văn B (chồng bà Bé H) có trách nhiệm liên đới cùng với bà Bé H trả lại số tiền nợ hụi. Xét thấy, ông B biết việc bà Bé H làm chủ hụi do khai hụi tại nhà ông B, có ông B chứng kiến, ông B cũng giúp đỡ bà Bé H đi thu tiền hụi và nhận tiền hụi của các hụi viên gửi cho bà Bé H, khoảng năm 2014 ông B cũng có làm chủ hụi, đồng thời bà Bé H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong tờ cam kết trả nợ hụi là của ông B. Ngoài ra bà Bé H thừa nhận làm chủ hụi là để kiểm thêm thu nhập phục vụ đời sống gia đình, giữa ông B và bà Bé H là vợ chồng. Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì ông B có trách nhiệm liên đới với bà Bé H trả cho bà L số tiền nợ hụi là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 196.000.000đ x 5% (có giá ngạch) = 9.800.000đ.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ vào Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B.

Buộc bà Đỗ Thị Bé H và ông Nguyễn Văn B có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền còn nợ 196.000.000đ (*Một trăm chín mươi sáu triệu đồng*);

Khi bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Bé H, ông B chưa thi hành xong số tiền nợ trên thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự vào từng thời điểm thi hành án, đối với số tiền chưa thi hành xong.

2/ Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn B và bà Đỗ Thị Bé H liên đới chịu 9.800.000đ (*Chín triệu, tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.650.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số BG/2015- 0002370 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Công thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ